

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 07/2025/KDTM-PT

Ngày: 30/5/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế.

Các Thẩm phán: Ông Dương Văn Bản và bà Nguyễn Thị Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Chiến - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 và ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh Thương mại thụ lý số 01/2025/TLPT- KDTM ngày 04 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 24/2024/KDTM-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/QĐPT-KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1)

Địa chỉ: Số H, L, phường L, quận Đ, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền:

1.1. Ông Lê Đức L, Trưởng phòng xử lý nợ;

1.2. Bà Trần Thị T, Trưởng bộ phận xử lý nợ;

1.3. Bà Nguyễn Thị L1, cán bộ xử lý nợ;

1.4. Ông Bùi Nho T1 cán bộ xử lý nợ;

Đều địa chỉ: Tầng G, tòa nhà V, số G D, quận C, thành phố Hà Nội (bà L1, ông T1 có mặt; ông L, bà T vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị N, chức vụ: Giám đốc Công ty;

Địa chỉ: Số B đường B, tổ D, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cụ Nguyễn Thị S (chết ngày 04/10/2018).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà S:

3.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số B đường B, tổ D, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (con gái bà S, chị N có mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị Ánh N1, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Tổ F, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (con gái bà S, chị N1 có mặt).

3.3. Ông Nguyễn Minh T2, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số B đường B, tổ D, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (con trai bà S, anh T2 vắng mặt).

3.4. Ông Nguyễn Minh T3, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số B đường B, tổ D, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (con trai bà S, anh T3 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày: Ngân hàng có ký hợp đồng cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đ (gọi tắt là công ty) vay số tiền 05 (năm) tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất thỏa thuận cụ thể trong từng khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi ký hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty số tiền 3.259.850.000đ bằng các khế ước nhận nợ.

Tài sản thế chấp là đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 56A, tờ bản đồ số 01 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh T cấp ngày 25/7/1996 mang tên bà Nguyễn Thị S, theo hợp đồng thế chấp được công chứng ngày 13/7/2017, đăng ký thế chấp cùng ngày tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T. Để đảm bảo cho khoản vay bà N có ký Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/VPBank - Thái Nguyên ngày 24/12/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng do Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 11/11/2019, nên Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty và bà N là người bảo lãnh trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 5.884.048.746đ; Nợ gốc 2.740.600.000đ; nợ lãi 2.658.462.039đ, (lãi trong hạn 30.235.598đ; lãi quá hạn

2.628.226.441đ và tiền phạt chậm trả lãi 618.530.300đ). Tiếp tục phải trả lãi kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm theo hợp đồng đã ký kết. Nếu công ty không trả nợ thì cơ quan thi hành án có quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm để trả nợ cho Ngân

hàng. Đối với yêu cầu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày: Công ty có vay của Ngân hàng theo các giấy nhận nợ Ngân hàng cung cấp là đúng. Bà được mẹ là cụ Nguyễn Thị S ủy quyền cho mượn bìa đồ tại số nhà B tổ H (nay là tổ D), phường H, thành phố T để thế chấp vay tiền Ngân hàng (có giấy ủy quyền của cụ S là đúng). Tuy nhiên, tới năm 2018 khi cụ S ốm nặng bà N có thông báo với Ngân hàng xem có phải làm bổ sung giấy tờ gì không để làm đáo hạn vay. Ngân hàng nói hồ sơ thủ tục đầy đủ và vẫn giải ngân cho Công ty vay tiếp theo hợp đồng hạn mức 171018-357437101-SME ngày 24/12/2018, đến năm 2019 khi làm lại hợp đồng, Ngân hàng vẫn giải ngân cho vay khoản tiền như Ngân hàng trình bày, sau đó dừng không cho vay nữa, dẫn tới hậu quả, một số các Ngân hàng khác cũng dừng cho vay vì có tín hiệu xấu trên CIC một loạt các Ngân hàng khác không cho vay, làm khó khăn cho doanh nghiệp, dẫn đến bà phải bán toàn bộ các tài sản mang tên bà để trả nợ cho một số các tổ chức tín dụng khác.

Công ty xác nhận tính đến ngày 29/8/2024, Công ty còn nợ số tiền gốc là 2.740.600.000đ là đúng và vẫn chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng. Tuy nhiên, tại thời điểm hiện tại Công ty đang tạm dừng hoạt động, Công ty sẽ cố gắng mở lại hoạt động để có tiền trả cho Ngân hàng. Công ty xin Ngân hàng khoan nợ gốc cho phía Công ty. Về phần lãi xin phía Ngân hàng miễn lãi cho Công ty. Trước đó Công ty có vay của Ngân hàng số tiền 1.900.000.000đ, Công ty đã trả xong và tất toán với Ngân hàng, đó là khoản vay trong thời gian cụ S còn sống có giấy ủy quyền của cụ S cho bà được quyền dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cá nhân cụ S để thế chấp đảm bảo khoản vay này của Công ty với Ngân hàng. Đề nghị Tòa án xử theo đúng quy định của pháp luật.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ S là ông T2, bà N1 đề nghị Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ S cho họ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu quan điểm về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp, buộc Ngân hàng phải trả lại cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà S giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về phần tính lãi phạt.

Với nội dung nêu trên, tại bản án số 24/2024/KDTM-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm liên đới trả Ngân hàng số tiền nợ gốc: 2.740.600.000đ; Lãi trong hạn: 30.235.598đ; Lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/12/2024 là: 2.633.050.318đ. Tổng cộng: 5.403.885.916đ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 171018 -3574371 -01- SME ngày 24/12/2018, hợp đồng tín dụng hạn mức số 131118-3574371-01-SME ngày 14/11/2018 và các khế ước nhận nợ sau:

Khế ước nhận nợ số 240519-3574371-01-SME ngày 24/5/2019;
 Khế ước nhận nợ số 060619-3574371-01-SME ngày 06/6/2019;
 Khế ước nhận nợ số 240619-3574371-01-SME ngày 24/6/2019;
 Khế ước nhận nợ số 250619-3574371-01-SME ngày 25/6/2019;
 Khế ước nhận nợ số 010719-3574371-01-SME ngày 01/7/2019;
 Khế ước nhận nợ số 020719-3574371-01-SME ngày 02/7/2019;
 Khế ước nhận nợ số 030719-3574371-01-SME ngày 03/7/2019;
 Khế ước nhận nợ số 220719-3574371-01-SME ngày 22/7/2019.
 Khế ước nhận nợ số 080119-3574371-01-SME ngày 08/01/2019;
 Khế ước nhận nợ số 140119-3574371-01-SME ngày 14/01/2019;
 Khế ước nhận nợ số 080319-3574371-01-SME ngày 08/3/2019;
 Khế ước nhận nợ số 130319-3574371-01-SME ngày 13/3/2019;
 Khế ước nhận nợ số 110419-3574371-01-SME ngày 11/4/2019;
 Khế ước nhận nợ số 050619-3574371-01-SME ngày 05/6/2019;
 Khế ước nhận nợ số 070519-3574371-01-SME ngày 07/5/2019;
 Khế ước nhận nợ số 100519-3574371-01-SME ngày 10/5/2019;
 Khế ước nhận nợ số 130919-3574371-01-SME ngày 13/9/2019;
 Khế ước nhận nợ số 140619-3574371-01-SME ngày 14/6/2019;
 Khế ước nhận nợ số 120819-3574371-01-SME ngày 12/8/2019;
 Khế ước nhận nợ số 090919-3574371-01-SME ngày 11/9/2019;
 Khế ước nhận nợ số 091019-3574371-01-SME ngày 09/10/2019;
 Khế ước nhận nợ số 310119-3574371-01-SME ngày 31/01/2019.

2. Buộc Công ty TNHH Đ và bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm 20/12/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong.

3. Không chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V yêu cầu được quyền phát mại tài sản thế chấp đối với đất và tài sản trên đất tại thửa số 56A, tờ bản đồ số 01 tại phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I279917 do UBND tỉnh T cấp ngày 25/7/1996 mang tên bà Nguyễn Thị S, theo hợp đồng thế chấp công chứng số 6526 ngày 13/7/2017, đăng ký thế chấp cùng ngày tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T.

4. Buộc Ngân hàng TMCP V trả lại cho bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Minh T2, ông Nguyễn Minh T3 là người kế thừa quyền và nghĩa

vụ của cụ Nguyễn Thị S giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I279917 do UBND tỉnh T cấp ngày 25/7/1996 mang tên bà Nguyễn Thị S,

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với yêu cầu phạt chậm trả lãi 618.530.300đ do Ngân hàng TMCP V rút yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/12/2024, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng. Ngân hàng được quyền phát mại tài sản đảm bảo theo các hợp đồng tín dụng.

Ngày 03/01/2025, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đ có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại phần lãi suất mà Công ty phải trả.

Tại phiên toà các bên đương sự vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, chủ toạ phiên toà và Hội đồng xét xử từ khi thu lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, tuy nhiên sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên. Buộc Công ty phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng, nếu Công ty không trả được thì người thế chấp tài sản cho Công ty vay tiền là bà N phải có trách nhiệm trả tiền cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1]. Xét kháng cáo của Ngân hàng thấy rằng: Công ty có vay tiền của Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 131118-3574371-01-SME ngày 14/11/2018 và hợp đồng tín dụng số 171018-3574371-01-SME ngày 24/12/2018 với tổng số tiền 3.259.850.000đ (ba tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị N có ký hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/VPBank - Thái Nguyên ngày 14/11/2018 đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ khi Công ty không có khả năng thanh toán. Khi cho vay Ngân hàng và bà N đã dùng hợp đồng uỷ quyền từ cụ S (mẹ đẻ bà N) uỷ quyền cho bà N được quyền dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ S để ký hợp đồng thế chấp vay vốn với Ngân hàng đối với khoản vay trước đó mà phía Công ty đã tắt toán xong. Khi bà S chết ngày (04/10/2018). Thì lúc này tài sản của bà S là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đáng lẽ Ngân hàng phải trả lại cho những người thừa kế của cụ S quản lý, nhưng phía Ngân hàng đã không làm việc đó. Lợi dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ S vẫn đang ở Ngân hàng nên sau khi cụ S chết, Ngân hàng vẫn cho bà

N dùng tài sản này để làm bảo lãnh cho Công ty vay số tiền theo hai hợp đồng tín dụng trên là không đúng quy định của pháp luật. Toà án cấp sơ thẩm xác định tài sản thế chấp là tài sản của cụ S, nay cụ S đã chết thì tài sản này là di sản thừa kế của hàng thừa kế thứ nhất, do vậy cấp sơ thẩm tuyên bố hợp thế chấp của bà N với Ngân hàng vô hiệu là có căn cứ. Ngân hàng kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình nên cần bác kháng cáo của Ngân hàng.

[2]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị N thấy rằng: Ngân hàng yêu cầu Công ty và bà Nguyễn Thị N phải trả khoản tiền lãi trong hạn; Lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm và khoản tiền lãi tiếp theo sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên không chấp nhận kháng cáo của bà N.

[3]. Tại phiên toà phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, tuy nhiên sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên. Hội đồng xét xử thấy rằng việc đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, tuy nhiên không cần sửa về cách tuyên vẫn không làm thay đổi bản chất vụ án bởi lẽ Công ty là của bà N và bà N cũng là người đại diện theo pháp luật, do vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, nhưng cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đ.

1. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 24/2024/KDTM-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Về án phí phúc thẩm:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V1) phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Xác nhận Ngân hàng đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0000650 ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đ phải chịu 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Xác nhận Công ty đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0000671 ngày 10/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP Thái Nguyên;
- UBND TP Thái Nguyên;
- UBND phường Hoàng Văn Thụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quế